TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 10 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;

2. Bà Trần Thanh Vân.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.*

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 109/9B Dương Diên Nghệ, tổ H, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh A (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Minh P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 42/1 khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Huỳnh Thị Bích LNvà ông Trần Minh P do tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 11/02/2004. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được thời gian 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp thường xảy ra bất hòa do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 10/5/2004. Đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Bị đơn* ông Trần Minh P *không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án*.

* *Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà Ly có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Bích L và ông Trần Minh P là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông P đã ký nhận trực tiếp các thông báo, quyết định của tòa án nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Ph là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Bích L và ông Trần Minh P do tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 11/02/2004. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được thời gian 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình

không phù hợp thường xảy ra bất hòa do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông P. Tuy nhiên, ông P vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà L và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà L và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà L dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông Ph không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông Ph.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 10/5/2004. Đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông P cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Bà Huỳnh Thị Bích L phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích Ly. Bà Huỳnh Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Minh P.

2. Về con chung: Bà L và ông P có (một) con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 10/5/2004. Đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001083 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang